

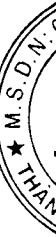
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

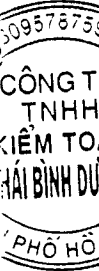
Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 30.011.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 179A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 39853219
Fax: 028 39853220
Email: contract@cigova.com
Website: cigova.vn
Mã số thuế: 0301448324

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
- Ông Ngô Hệ Chính	Chủ tịch
- Ông Võ Quang Sơn	Thành viên
- Ông Bùi Minh Quang	Thành viên

Kiểm soát viên

- Ông Đỗ Văn Mạnh	Kiểm soát viên
-------------------	----------------

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
- Ông Võ Quang Sơn	Giám đốc
- Ông Phan Xuân Thiện	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Phó Giám đốc
- Ông Lê Thành Tín	Kế toán trưởng

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ hay sự kiện nào bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả sản xuất kinh doanh của năm tài chính hiện hành.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Quét rọn, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;

-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Võ Quang Sơn
Giám đốc



"Mang đến niềm tin"

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG

01 Núi Thành, P. 13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3813 2259 – Fax: (028) 3813 2258

Homepage: www.pacificaudit.com.vn

E-mail: pacificaudit@gmail.com

Số 21.../2021/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2020 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 1443/TB-UBND ngày 07 tháng 04 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp. Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2020.

Quỹ tiền lương năm 2019 đã được phê duyệt theo Thông báo số 2862/TB-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2020 xác định Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện người quản lý của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận Gò Vấp năm 2019.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1



Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2020	TẠI NGÀY 01/01/2020
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.321.389.916	76.364.735.846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.727.130.045	56.633.435.865
1. Tiền	111		5.722.956.268	16.794.863.022
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.01	22.004.173.777	39.838.572.843
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.029.280.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	15.029.280.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.934.735.952	18.335.052.276
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	17.276.523.655	16.552.062.695
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	520.870.000	1.575.590.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	1.671.135.968	2.741.193.252
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.06	(2.533.793.671)	(2.533.793.671)
IV. Hàng tồn kho	140		497.740.000	1.396.247.705
1. Hàng tồn kho	141	V.07	497.740.000	1.396.247.705
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		132.503.919	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	126.685.596	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.09	5.818.323	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.508.092.823	45.564.722.458
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	43.841.280
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	-	43.841.280
II. Tài sản cố định	220		44.434.860.184	42.230.340.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	44.434.860.184	42.230.340.037
Nguyên giá	222		81.737.420.027	76.035.059.184
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.302.559.843)	(33.804.719.147)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
Nguyên giá	228		-	36.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(36.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.461.825.114	2.546.036.614
Nguyên giá	231		4.512.869.436	4.597.080.936
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.051.044.322)	(2.051.044.322)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.654.545	25.356.364
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	12.654.545	25.356.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		598.752.980	719.148.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	598.752.980	719.148.163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.829.482.739	121.929.458.304



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2020	TẠI NGÀY 01/01/2020
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		57.862.142.228	65.592.529.367
I. Nợ ngắn hạn	310		54.708.369.502	61.889.115.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	3.414.447.559	9.496.837.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	223.420.000	210.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.374.129.479	5.499.689.002
4. Phải trả người lao động	314	V.17	23.786.865.456	33.342.093.079
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		14.432.543	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	-	818.181.820
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.771.743.752	2.476.608.673
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	4.920.373.425	7.495.363.860
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	16.202.957.288	2.550.341.663
II. Nợ dài hạn	330		3.153.772.726	3.703.414.006
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	1.558.500.000	1.602.341.280
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	405.000.000	1.410.800.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.21	1.190.272.726	690.272.726
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.967.340.511	56.336.928.937
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	47.505.515.397	53.062.990.755
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.013.180.504	30.013.180.504
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.745.929.538	630.317.088
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.746.405.355	22.419.493.163
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		-	9.694.562.805
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.746.405.355	12.724.930.358
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.24	2.461.825.114	3.273.938.182
1. Nguồn kinh phí	431		-	727.901.568
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		2.461.825.114	2.546.036.614
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.829.482.739	121.929.458.304

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

578759-C
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
QUẬN GÒ VẤP
HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2020	NĂM 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	172.890.806.754	183.755.201.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172.890.806.754	183.755.201.992
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	146.855.901.627	157.330.300.170
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.034.905.127	26.424.901.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.637.537.207	1.654.344.380
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	915.226.791	725.127.431
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		915.226.791	725.127.431
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	11.245.142.749	12.966.432.144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.512.072.794	14.387.686.627
11. Thu nhập khác	31	VI.06	559.831.047	1.790.912.534
12. Chi phí khác	32	VI.07	75.431.948	219.345.334
13. Lợi nhuận khác	40		484.399.099	1.571.567.200
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.996.471.893	15.959.253.827
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.250.066.538	3.234.323.469
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.746.405.355	12.724.930.358

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

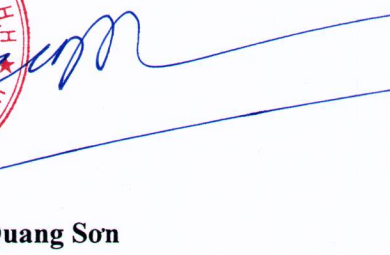
Ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	NĂM 2020	NĂM 2019
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.996.471.893	15.959.253.827
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.762.786.216	2.919.504.387
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.637.537.207)	(1.654.344.380)
- Chi phí lãi vay	06	915.226.791	725.127.431
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(580.727.274)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	21.036.947.693	17.368.813.991
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.438.339.281	(561.501.950)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	898.507.705	733.803.075
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(39.484.575.082)	(13.883.799.436)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(6.290.413)	273.614.766
- Tiền lãi vay đã trả	14	(900.794.248)	(725.127.431)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	3.145.393.881	(4.266.531.500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(64.104.086.214)	363.024.792
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	42.341.962.571	(8.816.001.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.634.594.826)	(9.513.704.954)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	5.760.000.000	1.264.694.222
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(41.000.000.000)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	43.911.542.234	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.637.537.207	1.654.344.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.309.079.441	2.919.038.602
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	(723.441.091)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.192.543.980	16.763.086.205
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.773.334.415)	(17.911.810.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.580.790.435)	(1.872.165.109)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28.906.305.820)	(8.466.831.460)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.633.435.865	65.100.267.326
Tiền tồn cuối kỳ	70	27.727.130.045	56.633.435.865

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 01 năm 2021



Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 30.011.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 179A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công cộng, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Quét rọ, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

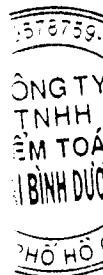
II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên tắc ghi nhận tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Thực tế đích danh

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho (tiếp theo)

c. *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên

d. *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

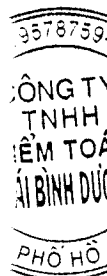
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Tiền mặt tại quỹ	206.926.159	207.051.605
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	206.926.159	207.051.605
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	5.516.030.109	16.587.811.417
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.901.533.558	12.112.317.449
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	222.739.941	87.566.316
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT Việt Nam	1.241.802	2.140.502
- Ngân hàng TMCP An Bình	107.515	37.514.267
- Ngân hàng TMCP Phát triển HCM	675.797	939.797
- Ngân hàng TMCP Nam Á	1.372.364.031	2.779.546
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12.682.287	12.822.585
- Ngân hàng TMCP Đông Phương	113.876	4.304.984.527
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN (BIDV)	4.571.302	26.746.428
Các khoản tương đương tiền (*)	22.004.173.777	39.838.572.843
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	12.004.173.777	20.304.014.092
- Ngân hàng TMCP Nam Á	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV	-	9.534.557.851
Tổng cộng	<u>27.727.130.045</u>	<u>56.633.435.865</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	14.600.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN (BIDV)	429.280.000	-
Tổng cộng	<u>15.029.280.000</u>	<u>-</u>

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dùng để ký quỹ đảm bảo cho các Chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng Công ty ký kết với khách hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Phải thu khách hàng	31/12/2020	01/01/2020		
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình quận Gò Vấp	3.496.618.000	1.017.269.000		
- Phòng Tài nguyên Môi trường Quận Gò Vấp	6.648.924.048	6.591.355.696		
- Phòng Tài chính Kế hoạch Quận Gò Vấp	2.490.931.825	2.490.931.825		
- Phòng Quản lý đô thị Quận Gò Vấp	1.049.253.102	3.147.732.344		
- Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	1.519.693.780	1.519.693.780		
- Công ty Thương nghiệp tổng hợp Gò Vấp	800.000.000	800.000.000		
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành Phát lộc	214.099.891	214.099.891		
- Công ty CP Đầu tư và XD Tài Anh	122.320.000	122.320.000		
- Công ty TNHH Nguyễn Gia Huy	254.100.000	254.100.000		
- Công ty TNHH XD TM SX XNK Đại Kim Tượng	102.687.940	102.687.940		
- Bưu điện TT Gia Định	200.734.973	-		
- Các khách hàng khác	377.160.096	291.872.219		
Tổng cộng	17.276.523.655	16.552.062.695		
4. Trả trước cho người bán				
	31/12/2020	01/01/2020		
- Công ty TNHH SXKD bê tông Việt Nam	-	208.560.000		
- Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	16.500.000	16.500.000		
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển công nghệ Trí Thiên Thành	-	22.330.000		
- Công ty TNHH Thẩm Định Giá Chuẩn Việt	-	61.000.000		
- Công ty CP VT TMXD CN Đức Long	-	1.267.200.000		
- Công ty CP Du Lịch và Tiếp thị GT VT Việt Nam - Vietravel	360.000.000	-		
- Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức	100.470.000	-		
- Công ty TNHH Xây Dựng Nam Bắc Phú	43.900.000	-		
Tổng cộng	520.870.000	1.575.590.000		
5. Các khoản phải thu khác				
	31/12/2020		01/01/2020	
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Dự thu lãi tiền gửi	308.264.572	-	515.594.602	-
- Phải thu về cổ phần hóa	599.580.000	-	448.000.000	-
- Phải thu đội vận chuyển	371.385.872	-	336.960.441	-
- Phải thu đội môi trường	80.858.070	-	80.858.070	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	719.618.363	-
- Ký quỹ Công ty TNHH Sài Gòn Coop Gò Vấp	-	-	30.000.000	-
- Ký quỹ Công ty TNHH Nước tinh khiết Sài Gòn	700.000	-	700.000	-
- Tạm ứng	52.000.000	-	567.135.727	-



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)</i>				
Sở Tài chính TP HCM (CC Khang Gia)	172.634.182	-	-	-
Bà Phan Thị Cang (căn hộ 407, lô A CC P5, Gò Vấp)	43.841.280	-	-	-
- Phải thu khác	41.871.992	-	42.326.049	-
Tổng cộng	1.671.135.968	-	2.741.193.252	-
b. Dài hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Phan Thị Cang (căn hộ 407, lô A CC P5, Gò Vấp)	-	-	43.841.280	-
Tổng cộng	-	-	43.841.280	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi			31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát			1.519.693.780	1.519.693.780
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát Lộc			214.099.891	214.099.891
Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Gò Vấp			800.000.000	800.000.000
Tổng cộng			2.533.793.671	2.533.793.671
7. Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	497.740.000	-	1.396.247.705	-
Tổng cộng	497.740.000	-	1.396.247.705	-
(*) Chi tiết các chi phí kinh doanh dở dang:			31/12/2020	
- Chi phí công tác bốc mủ			497.740.000	
Tổng cộng			497.740.000	
8. Chi phí trả trước	31/12/2020	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	01/01/2020
a. Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	126.685.596	205.622.454	78.936.858	
Điều chỉnh	-	5.990.000	5.990.000	-
Tổng cộng	126.685.596	205.622.454	78.936.858	-
b. Dài hạn				
Điều chỉnh	-	-	5.990.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	577.880.760	463.991.819	605.259.222	719.148.163
Phần mềm kế toán	20.872.220	28.900.000	8.027.780	-
Tổng cộng	598.752.980	492.891.819	613.287.002	719.148.163
9. Tài sản khác			31/12/2020	01/01/2020
Tiền thuê đất truy thu			5.818.323	-
Tổng cộng			5.818.323	-

3378759-C
CÔNG TY
TNHH
KẾ TOÁN
BÌNH DƯƠNG
PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Tại ngày 01/01/2020	24.491.022.758	317.792.045	50.851.609.381	374.635.000	-	76.035.059.184
- Đầu tư XDCB hoàn thành			7.840.306.363	127.000.000		7.967.306.363
- Điều chỉnh trong năm	(253.050.049)		(46.200.000)		299.250.049	-
- Thanh lý, nhượng bán	(163.636.364)		(2.101.309.156)			(2.264.945.520)
- Giảm khác						-
- Tại ngày 31/12/2020	24.074.336.345	317.792.045	56.544.406.588	501.635.000	299.250.049	81.737.420.027
Khấu hao lũy kế						
- Tại ngày 01/01/2020	8.120.481.304	167.743.488	25.150.283.862	366.210.493	-	33.804.719.147
- Điều chỉnh trong năm	(117.826.652)				117.826.652	-
- Khấu hao trong năm	907.789.979	35.360.240	4.743.784.394	17.684.919	58.166.684	5.762.786.216
- Thanh lý, nhượng bán	(163.636.364)		(2.101.309.156)			(2.264.945.520)
- Tại ngày 31/12/2020	8.746.808.267	203.103.728	27.792.759.100	383.895.412	175.993.336	37.302.559.843
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2020	16.370.541.454	150.048.557	25.701.325.519	8.424.507	-	42.230.340.037
- Tại ngày 31/12/2020	15.327.528.078	114.688.317	28.751.647.488	117.739.588	123.256.713	44.434.860.184

- Tại ngày 31/12/2020, Công ty vẫn đang thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ Bảo vệ Môi Trường bao gồm các tài sản dưới đây:

	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Xe ép rác biển số 51C-787.82	2.750.796.364	1.535.861.305
Xe ép rác biển số 51C-789.09	2.750.796.364	1.535.861.305
Xe hút bụi đường biển số 51E-041.45	1.900.755.682	1.251.330.811
Xe hút bụi đường biển số 51E-041.52	1.900.755.682	1.267.170.442
Tổng cộng	9.303.104.092	5.590.223.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

11. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Tại ngày 01/01/2020				36.000.000		36.000.000
- Giảm do thanh lý				(36.000.000)	-	(36.000.000)
- Tại ngày 31/12/2020	-	-	-	-	-	-
Khấu hao lũy kế						
- Tại ngày 01/01/2020				36.000.000	-	36.000.000
- Giảm do thanh lý				(36.000.000)		(36.000.000)
- Tại ngày 31/12/2020	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2020	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày 31/12/2020	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

12. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Tại ngày 01/01/2020	4.597.080.936	(2.051.044.322)	2.546.036.614
- Giảm trong năm	84.211.500	-	84.211.500
- Tại ngày 31/12/2020	4.512.869.436	(2.051.044.322)	2.461.825.114

Danh mục Bất động sản đầu tư là các căn hộ tái định cư, căn nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước được giao cho Công ty quản lý để cho thuê và bán hộ Nhà nước.

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

13. Tài sản dở dang

Chi phí XD CB dở dang	31/12/2020	Tăng trong năm	K/c vào TSCĐ	01/01/2020
- Mua sắm TSCĐ	12.654.545	7.828.104.544	7.840.806.363	25.356.364
Tổng cộng	12.654.545	7.828.104.544	7.840.806.363	25.356.364

14. Phải trả người bán

a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV Đông Hải	-	-	888.479.305	888.479.305
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	804.576.620	804.576.620	2.399.023.170	2.399.023.170
- Công ty TNHH TM Vận tải Nghiêm Minh	-	-	479.545.000	479.545.000
- Công ty TNHH TM DV XD Phú Mỹ Hạnh	-	-	174.223.500	174.223.500
- Công ty TNHH SXTM Dịch vụ Sơn Phạm	246.400.000	246.400.000	1.370.253.500	1.370.253.500
- Công ty TNHH MTV XD DV TM Phát Trân	204.776.110	204.776.110	1.177.117.124	1.177.117.124
- Công ty TNHH Xây Dựng Diễm Châu	975.138.616	975.138.616	43.114.500	43.114.500
- Công ty TNHH MTV Vân Hà Bến Hải	262.020.000	262.020.000	-	-
- Công ty CP tư vấn TM và XD Việt Thành	148.690.960	148.690.960	1.004.758.480	1.004.758.480
- Công ty TNHH TV TK XD Vũ Hồ	558.663.297	558.663.297	436.607.892	436.607.892
- Các khách hàng khác	214.181.956	214.181.956	1.523.714.793	1.523.714.793
Tổng cộng	3.414.447.559	3.414.447.559	9.496.837.264	9.496.837.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

15. Người mua trả tiền trước	31/12/2020	01/01/2020
- UBND Phường 12	170.000.000	170.000.000
- UBND Phường 9	10.000.000	10.000.000
- UBND Phường 4	30.000.000	30.000.000
- Các khách hàng khác	13.420.000	-
Tổng cộng	223.420.000	210.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2020
- Thuế GTGT	1.712.493.094	16.025.428.824	15.283.681.228	970.745.498
- Thuế TNDN	754.059.094	2.250.066.538	3.145.393.881	1.649.386.437
- Thuế TNCN	841.479.865	977.215.702	1.906.894.069	1.771.158.232
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.911.202.783	2.911.202.783	-
- Các loại thuế khác	-	58.579.531	58.579.531	-
- Các khoản phí, lệ phí	1.066.097.426	727.901.568	770.202.977	1.108.398.835
Tổng cộng	4.374.129.479	22.950.394.946	24.075.954.469	5.499.689.002

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2020	01/01/2020
- Thuế GTGT	1.712.493.094	970.745.498
- Thuế TNDN	754.059.094	1.649.386.437
- Thuế TNCN	841.479.865	1.771.158.232
Tổng cộng	3.308.032.053	4.391.290.167

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định của Cơ quan Thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

17. Phải trả công nhân viên

	31/12/2020	01/01/2020
- Lương viên chức quản lý	640.192.381	877.558.925
- Lương người lao động	23.146.673.075	32.464.534.154
Tổng cộng	23.786.865.456	33.342.093.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2020 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ (Thuyết minh số V12). Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2020.

	Năm 2020	Năm 2019
Quỹ lương kế hoạch của người quản lý	3.275.166.888	3.161.357.976
Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý	77.202.720	74.520.000
Quỹ lương kế hoạch của người lao động	73.986.327.336	64.936.655.592
Tổng cộng	77.338.696.944	68.172.533.568
18. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2020	01/01/2020
Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện	-	818.181.820
Tổng cộng	-	818.181.820
19. Phải trả khác	31/12/2020	01/01/2020
a. Phải trả ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	137.203.368	133.342.838
- Ban bồi thường GPMB quận Gò Vấp	44.647.420	81.024.373
- Các khoản phải hoàn thuế GTGT cho các đội	139.042.529	181.315.405
- Phải trả các đội thi công (bên có tk 141)	648.704.780	938.190.734
- Phải trả ngân sách (bán nhà CC Khang Gia, An Sương)	459.700.000	717.815.104
- Phải nộp 20% doanh thu Làng hoa	-	322.343.090
- Giữ xe Làng Hoa Gò Vấp	232.667.453	-
- Phí khử trùng của công tác bóc mộ	20.700.000	20.700.000
- Các khoản giữ bảo hành công trình	-	37.032.000
- Phải trả tiền bán nhà trả góp căn hộ CC P5 cho Quỹ đầu tư	43.841.280	-
- Các khoản khác	45.236.922	44.845.129
Tổng cộng	1.771.743.752	2.476.608.673
b. Phải trả dài hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
- Phải trả tiền bán nhà trả góp căn hộ CC P5 cho Quỹ đầu tư	-	43.841.280
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
Nhà 96 Nguyễn Thượng Hiền P.1, Q. Gò Vấp	10.000.000	10.000.000
Trường THPT Lý Thái Tổ	63.000.000	63.000.000
Công ty Cổ phần Ta Ca	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bóng đá mini Phạm Phú Quý	80.000.000	80.000.000
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Hoàng Gia	400.000.000	400.000.000
Các khách hàng khác	5.500.000	5.500.000
Tổng cộng	1.558.500.000	1.602.341.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

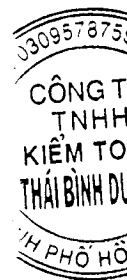
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	31/12/2020	Tăng	Giảm	01/01/2020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.522.446.504	18.640.835.250	5.651.265.088	2.532.876.342
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty	680.510.784	698.045.463	35.000.000	17.465.321
Tổng cộng	16.202.957.288	19.338.880.713	5.686.265.088	2.550.341.663

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	31/12/2020	01/01/2020
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.190.272.726	690.272.726
Tổng cộng	1.190.272.726	690.272.726



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

22. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong năm 2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	3.914.573.425	3.914.573.425	20.192.543.980	21.988.496.415	5.710.525.860	5.710.525.860
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN9 (*)	3.914.573.425	3.914.573.425	20.192.543.980	21.988.496.415	5.710.525.860	5.710.525.860
- Nợ dài hạn đến hạn trả	1.005.800.000	1.005.800.000	1.005.800.000	1.784.838.000	1.784.838.000	1.784.838.000
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM	1.005.800.000	1.005.800.000	1.005.800.000	1.784.838.000	1.784.838.000	1.784.838.000
Tổng cộng	4.920.373.425	4.920.373.425	21.198.343.980	23.773.334.415	7.495.363.860	7.495.363.860

(*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9 cho vay tín chấp theo Hợp đồng cho vay số 044/2019-HĐCVHM/NHCT928-CIGV ngày 26 tháng 05 năm 2020, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động với hạn mức 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng), thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất theo từng thời kỳ được ghi trên Giấy nhận nợ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

22. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2020		Trong năm 2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM (**)	405.000.000	405.000.000	-	1.005.800.000	1.410.800.000	1.410.800.000
Tổng cộng	405.000.000	405.000.000	-	1.005.800.000	1.410.800.000	1.410.800.000

(**) Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường như sau:

- Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 04-2016/HĐTD-QBVMT ngày 26 tháng 8 năm 2016 với số tiền vay 3.500.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: "Đầu tư mua sắm 02 xe ép rác", thời hạn vay 05 năm. Lãi suất trong hạn là 4,27%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 02 xe ép rác mua mới. Số tiền gốc vay đã trả đến ngày 31/12/2020 là 3.034.200.000 đồng, số còn phải trả đến tháng 08/2021 là 465.800.000 đồng.
- Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 05-2017/HĐTD-QBVMT ngày 14 tháng 9 năm 2017 với số tiền vay 2.700.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: "Đầu tư mua sắm 02 xe quét hút", thời hạn vay 05 năm. Lãi suất trong hạn là 4,27%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 02 xe quét hút bụi mua mới, trọng tải 10 tấn. Số tiền gốc vay đã trả đến ngày 31/12/2020 là 1.755.000.000 đồng, số còn phải trả đến tháng 09/2022 là 945.000.000 đồng.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2019	30.013.180.504	1.353.758.179	10.309.877.706	41.676.816.389
Lãi trong năm trước			12.724.930.358	12.724.930.358
Điều chỉnh phân phối LN 2017		(723.441.091)	188.421.671	(535.019.420)
Nộp NS công trình			(765.231.647)	(765.231.647)
Đ/ch Thuế theo BB KTNN			(431.516.637)	(431.516.637)
Điều chỉnh KH nhà SHHH			(21.180.288)	(21.180.288)
Điều chỉnh CP theo BB KTNN			398.192.000	398.192.000
Điều chỉnh TN theo BB KTNN			16.000.000	16.000.000
Số dư 01/01/2020	30.013.180.504	630.317.088	22.419.493.163	53.062.990.755
Trích quỹ đầu tư phát triển		3.115.612.450	(3.115.612.450)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi			(19.303.880.713)	(19.303.880.713)
Lãi trong năm			13.746.405.355	13.746.405.355
Số dư 31/12/2020	30.013.180.504	3.745.929.538	13.746.405.355	47.505.515.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

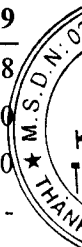
	31/12/2020	01/01/2020
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn của nhà nước	30.013.180.504	30.013.180.504
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2020	Năm 2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu năm	30.013.180.504	30.013.180.504
+ Vốn cuối năm	30.013.180.504	30.013.180.504
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2020	Năm 2019
- Số dư đầu năm	630.317.088	1.353.758.179
Tăng trong năm	3.115.612.450	-
Giảm do điều chỉnh PPLN 2017	-	(723.441.091)
- Số dư cuối năm	3.745.929.538	630.317.088
24. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	31/12/2020	01/01/2020
Nguồn kinh phí sửa chữa nhà	-	707.419.782
Nguồn kinh phí bán nhà	-	20.481.786
Tổng cộng	-	727.901.568
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm 2020	Năm 2019
- Số dư đầu năm	2.546.036.614	2.844.675.114
Giảm trong năm	(84.211.500)	(298.638.500)
- Số dư cuối năm	2.461.825.114	2.546.036.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm 2020	Năm 2019
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.890.806.754	183.755.201.992
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động môi trường, vận chuyển rác	135.859.214.137	148.318.533.044
Doanh thu hoạt động duy tu, xây dựng	27.265.715.556	26.001.510.910
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh	4.190.454.549	3.750.000.007
Doanh thu hoạt động thiết kế	564.392.153	549.266.943
Doanh thu hoạt động nhà tang lễ	382.890.914	429.427.278
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà, đất SHNN, chung cư	3.165.674.505	3.308.111.999
Doanh thu hoạt động bán chung cư	12.480.400	-
Doanh thu hoạt động cho thuê Chung cư Khang Gia	389.247.276	-
Doanh thu hoạt động giữ xe Làng hoa	1.060.737.264	1.398.351.811
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.890.806.754	183.755.201.992
02. Giá vốn hàng bán	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn hoạt động môi trường, vận chuyển rác	113.020.537.713	124.101.700.348
Giá vốn hoạt động duy tu, xây dựng	26.568.286.935	25.438.796.540
Giá vốn hoạt động hợp tác kinh doanh	1.789.036.098	2.181.425.100
Giá vốn hoạt động thiết kế	689.236.727	-
Giá vốn hoạt động nhà tang lễ	750.752.422	849.934.834
Giá vốn hoạt động cho thuê nhà, đất SHNN, chung cư	2.393.841.630	3.308.111.999
Giá vốn hoạt động bán chung cư	12.480.400	-
Giá vốn hoạt động giữ xe Làng hoa	1.631.729.702	1.449.842.301
Tổng cộng	146.855.901.627	157.329.811.122
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.637.537.207	1.654.344.380
Tổng cộng	1.637.537.207	1.654.344.380
04. Chi phí tài chính	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	915.226.791	725.127.431
Tổng cộng	915.226.791	725.127.431



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm 2020	Năm 2019
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	8.159.771.437	6.907.969.191
Chi phí đồ dùng văn phòng	177.047.310	118.557.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.033.858.613	980.386.187
Thuế, phí và lệ phí	4.636.100	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.055.441	2.046.201.204
Chi phí bằng tiền khác	889.773.848	2.910.318.469
Tổng cộng	11.245.142.749	12.966.432.144
06. Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ, CCDC	502.545.454	-
Thu nhập khác	117.470.915	1.790.912.534
Tổng cộng	620.016.369	1.790.912.534
07. Chi phí khác		
Thanh lý TSCĐ, CCDC	60.185.322	-
Chi phí khác	75.431.948	219.345.334
Tổng cộng	135.617.270	219.345.334
08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	27.434.626.889	26.305.136.954
Chi phí nhân công;	24.510.471.072	25.086.201.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	5.762.786.216	4.846.555.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	99.498.750.251	111.145.520.528
Chi phí khác bằng tiền.	894.409.948	2.913.318.469
Tổng cộng	158.101.044.376	170.296.732.314
09. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.996.471.893	15.959.253.827
Cộng các khoản chi phí không được trừ	75.431.948	219.345.334
Thu nhập tính thuế	16.071.903.841	16.178.599.161
Thuế suất thuế tdn	20%	20%
Giảm thuế theo ND 114	70%	-
Điều chỉnh giảm tiền thuế tdn	-	(1.396.363)
Tổng chi phí thuế TNDN năm 2020	2.250.066.538	3.234.323.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020	Năm 2019
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	20.192.543.980	18.547.924.205
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	23.773.334.415	19.658.873.045

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.727.130.045	-	56.633.435.865	-
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	18.947.659.623	(2.533.793.671)	19.337.097.227	(2.533.793.671)
Tổng cộng	46.674.789.668	(2.533.793.671)	75.970.533.092	(2.533.793.671)
Công nợ tài chính			31/12/2020	01/01/2020
Phải trả người bán, phải trả khác			6.744.691.311	13.575.787.217
Chi phí phải trả ngắn hạn			14.432.543	-
Các khoản vay			5.325.373.425	8.906.163.860
Tổng cộng			12.084.497.279	22.481.951.077

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, nguồn vốn mà chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.727.130.045		27.727.130.045
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	18.947.659.623	-	18.947.659.623
Tổng cộng	46.674.789.668	-	46.674.789.668

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	5.186.191.311	1.558.500.000	6.744.691.311
Chi phí phải trả ngắn hạn	14.432.543		14.432.543
Các khoản vay	4.920.373.425	405.000.000	5.325.373.425
Tổng cộng	10.120.997.279	1.963.500.000	12.084.497.279
Chênh lệch thanh khoản thuần	36.553.792.389	(1.963.500.000)	34.590.292.389

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.633.435.865		56.633.435.865
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	19.293.255.947	43.841.280	19.337.097.227
Tổng cộng	75.926.691.812	43.841.280	75.970.533.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	11.973.445.937	1.602.341.280	13.575.787.217
Các khoản vay	7.495.363.860	1.410.800.000	8.906.163.860
Tổng cộng	19.468.809.797	3.013.141.280	22.481.951.077
Chênh lệch thanh khoản thuần	56.457.882.015	(2.969.300.000)	53.488.582.015

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

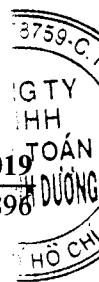
Các bên liên quan bao gồm:	Chức vụ
- Ông Ngô Hệ Chính	Chủ tịch
- Ông Võ Quang Sơn	Thành viên Kiểm Giám đốc
- Ông Bùi Minh Quang	Thành viên
- Ông Đỗ Văn Mạnh	Kiểm soát viên
- Ông Phan Xuân Thiện	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Phó Giám đốc
- Ông Lê Thành Tín	Kế toán trưởng

Thu nhập của các bên liên quan	Năm 2020	Năm 2019
	3.155.525.511	3.721.500.898

3. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được điều chỉnh theo Thông báo số 2862/TB-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2020 về việc phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2019, xác định Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện người quản lý, các khoản điều chỉnh cụ thể như sau:

Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán	Số dư theo BCTC của đơn vị tại ngày 31/12/2019	Số dư theo BCKT tại ngày 31/12/2019	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.499.689.002	5.427.356.912	72.332.090
Phải trả người lao động	33.342.093.079	33.710.735.344	(368.642.265)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.419.493.163	22.123.182.988	296.310.175
Tổng cộng nguồn vốn	61.261.275.244	61.261.275.244	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số liệu so sánh (tiếp theo)

Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Giá vốn hàng bán	157.330.300.170	157.329.811.122	489.048
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.966.432.144	13.335.563.457	(369.131.313)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.234.323.469	3.161.991.379	72.332.090
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.724.930.358	12.428.620.183	296.310.175

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

